

Bản án số: 46/2023/DS - PT
Ngày: 24 - 4 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLPT-DS ngày 18-11-2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2023/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1941; Địa chỉ: Số 200 Nguyễn Văn T, phường Trần Quang K, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Anh T - Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Ông Lê Đình Q, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hà Đức B và ông Lại Đức T - Luật sư Văn phòng Luật sư IQS thuộc Đoàn Luật sư Nam Định;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1940; Địa chỉ: Số 116, tổ 18 phường Trường T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

2. Ông Lê Đức N, sinh năm 1947; Địa chỉ: Số 11 phòng 11, tổ 9 phường Văn M, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

3. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số 12 ngõ 77 đường Tô Hiến T, phường Mỹ X, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

4. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố số 1 Tân A, phường Lộc H, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm 10, xã Đại C, huyện Kim B, tỉnh Hà N;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị H là bà Lê Thị Y.

6. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định;

7. Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 326 đường Nguyễn T, phường Trung S, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh H;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị D, chị Lê Thị Hồng T là ông Lê Đình Q;

8. Anh Lê Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định;

9. Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định;

10. Chị Lê Thị N1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 126/223 đường Giải P, tổ 16 phường Trường T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

11. Anh Lê Tiến S, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 114 Bãi V, đường Phạm Văn N, phường Trường T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

12. Chị Lê Thị Bích N2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà 4/104 đường Lê Hồng P, phường Phan Đình P, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Lê Thị N1, chị Lê Thị Bích N2 là bà Nguyễn Thị A.

13. Anh Lê Quý Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 116 tổ 18, ngõ 2/223 đường Giải P, phường Trường T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

14. Chị Lê Trần Hải A, sinh năm 1994; Địa chỉ: 207 đường Song H, phường Văn M, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định;

15. Anh Lê Trần Hải Đ, sinh năm 1996; Địa chỉ: Xóm 4, tổ dân phố Đồng B, phường Mỹ X, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Đình Q là bị đơn, ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị H là người có quyền lợi liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa ngày 13-4-2023 có mặt ông L, ông Q, ông B, ông T, bà A, ông N, bà N1, bà Y1, bà H, anh T, chị H, anh S, anh Đ, chị A, anh Đ; vắng mặt bà T, bà D, chị N2, chị N3. Tại phiên tòa ngày 24-4-2023 có mặt ông L, ông Q, ông B, ông T, bà A, ông N, bà N1, bà Y1, bà H, anh T, chị H, anh S; vắng mặt bà T, bà D, chị N2, chị N3, anh Đ, chị A, anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Lê Văn Nên và cụ Nguyễn Thị Thần sinh được 07 người con gồm: ông Lê Văn Nha (chết năm 2016); ông Lê Văn L sinh năm 1941; ông Lê Đức N sinh năm 1947; bà Lê Thị N1 sinh năm 1952; bà Lê Thị Y sinh năm 1957; ông Lê Đình Q sinh năm 1958 và bà Lê Thị H sinh năm 1963. Cụ Nên và cụ Thần không có con nuôi. Cụ Thần chết ngày 25-6-1997, cụ Nên chết ngày 18-6-2002. Cả hai cụ chết không để lại di chúc.

Cụ Nên và cụ Thần có tài sản là quyền sử dụng đất được UBND huyện Mỹ L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn Nên vào ngày 25-5-1998. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích đất là 1.245m², trong đó: 360m² đất ở, 330m² đất ao, 555m² đất vườn thuộc thửa 22 tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Nguồn gốc diện tích đất này là do cụ Nên được thừa kế từ cha, chú để lại. Diện tích đất này gia đình ông Lê Đình Q hiện đang sử dụng và đã xây trên đất một ngôi nhà ba gian, bếp và công trình phụ.

Ông L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản mà cụ Nên và cụ Thần để lại là 1.245m², trong đó: 360m² đất ở, 330m² đất ao, 555m² đất vườn thuộc thửa 22 tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Ông L đề nghị được nhận bằng hiện vật quy gọn vào một chỗ để thuận tiện sử dụng không phân biệt đất ở, đất vườn, đất ao.

* Theo đơn trình bày, biên bản lấy lời khai và và lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Lê Đình Q trình bày:

Ông Q xác nhận bố mẹ ông là cụ Lê Văn Nên và cụ Nguyễn Thị Thần sinh được 07 người con gồm: ông Lê Văn Nha (chết năm 2016); ông Lê Văn L sinh năm 1941; ông Lê Đức N sinh năm 1947; bà Lê Thị N1 sinh năm 1952; bà Lê Thị Y sinh năm 1957; ông Lê Đình Q sinh năm 1958 và bà Lê Thị H sinh năm 1963. Cụ Nên và cụ Thần không có con nuôi. Cụ Thần chết ngày 25-6-1997, cụ Nên chết ngày 18-6-2002. Cả hai cụ chết không để lại di chúc.

Năm 1998, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn Nền với diện tích 1.245m^2 bao gồm 360m^2 đất ở, 330m^2 đất ao, 555m^2 đất vườn thuộc thửa 22 tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Khi kê khai để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lúc này cụ Thần còn sống nhưng khi được cấp giấy chứng nhận thì cụ Thần đã chết. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ cụ Lê Văn Nền gồm có cụ Lê Văn Nền, ông Lê Đình Q cùng bà Nguyễn Thị D là vợ ông Q và 03 con ông Q là chị Lê Thị Hồng T, Anh Lê Văn T và chị Lê Thị Thu H1.

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất ở và đất vườn có nguồn gốc một phần do bố mẹ cụ Nền để lại và một phần là do chú cụ Nền để lại và một phần là ruộng hai lúa của cụ Nền, cụ Thần sau đào thành ao. Ao được đào khoảng những năm 1964 năm 1970 do nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt gia đình nên gia đình đã đào ao từ sớm, lúc đó ông Q còn bé không biết, nhưng sau khi ông lớn lên thì chiếc ao đã có rồi và gia đình vẫn tiếp tục sử dụng. Trong quá trình sử dụng ruộng đất đến năm 1992 hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Thành giao riêng diện tích đất ao cho hộ ông Q trừ vào ruộng 5% khi đó gia đình ông Q gồm có cụ Thần, vợ chồng ông Q và ba người con. Cụ Nền đã đi thoát ly và tại thời điểm đó chưa chuyển khẩu về mà vẫn còn khẩu ở nhà ông L nên cụ Nền không có ao, có ruộng. Mỗi khẩu tại thời điểm đó nhà ông Q được giao 2 sào 05 thước, lúc đó gia đình ông có 06 khẩu là cụ Thần, ông Q, bà D, và 03 người con nên hộ ông Q được cấp 1 mẫu 4 sào. Năm 1992 ngoài việc giao ruộng 5% thì hộ ông Q còn bị cân đối và đối trừ ruộng ngoài đồng vào vườn với tỷ lệ 01 sào ruộng thì bằng $\frac{1}{2}$ sào vườn.

Ông Q xác định di sản của cụ Nền và cụ Thần để lại bao gồm là 360m^2 đất ở, 555m^2 đất vườn thì gia đình ông Q bị đối trừ 01 sào ruộng ngoài đồng vào nửa sào vườn là 180m^2 còn lại là 375m^2 và $\frac{1}{6}$ diện tích đất ao là 55m^2 là phần của cụ Thần. Ông đồng ý chia di sản này theo quy định của pháp luật.

Khi bố mẹ ông là cụ Nền và cụ Thần còn sống vợ chồng ông Q làm nhà trên thửa 22 tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Hiện nay vợ chồng ông Q đã xây dựng 60m^2 nhà mái bằng, 50m^2 công trình phụ, xây chuồng trại chăn nuôi, một phần trồng cây ăn quả, ao đã được xây kè bê tông xung quanh và nuôi cá. Ông Q xác nhận phần công trình kiến trúc hiện nay gia đình ông đang sử dụng được xây dựng chủ yếu trên đất vườn chỉ có một phần nhỏ khu chăn nuôi là xây dựng trên đất ở. Diện tích đất ở là nền móng nhà cũ của cụ Nền, cụ Thần xây dựng hiện nay vẫn còn. Ông Q là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng diện tích 1.245m^2 đất tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định hàng năm thực hiện đầy đủ các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước. Ông cũng là người có công quản lý, duy tu di sản của cụ Nền và cụ Thần, có công trong việc chăm sóc mẹ già, lo đối nội đối ngoại khi bố mẹ mất đi nên đề nghị Tòa án xem xét công sức của ông trong việc bảo quản, duy tu khối di sản của cụ Nền và cụ Thần để lại.

Ông Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L vì ông L xác định toàn bộ 1.245m² đất là di sản của cụ Nên và cụ Thần để lại là không đúng. Ông Q có quan điểm phần đất ông đang có các công trình và vật kiến trúc thì tách riêng cho gia đình ông còn phần di sản thừa kế của cụ Nên và cụ Thần để lại không chia mà làm nhà thờ họ để thờ cúng tổ tiên. Nếu ông L không đồng ý quan điểm giải quyết trên thì ông Q đề nghị Toà án nhân dân huyện Mỹ L giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Theo bản trình bày, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị H trình bày:

Ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị H nhất trí lời khai của ông L, ông Q về việc cụ Nên, cụ Thần sinh được 07 người con và thời gian cụ Nên, cụ Thần chết là đúng. Cụ Nên và cụ Thần chết không để lại di chúc.

Về nguồn gốc đất ông N, bà N1, bà Y1, bà H xác định: Diện tích 1.245m² đất gồm 360m² đất ở, 330m² đất ao, 555 m² đất vườn tạp tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19 được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ L cấp cho hộ ông Lê Văn Nên năm 1998. Diện tích đất trên có nguồn gốc một phần do bố mẹ cụ Nên để lại và một phần là do chú cụ Nên để lại và một phần là ruộng hai lúa của cụ Nên, cụ Thần sau đào ao. Diện tích đất ao được đào vào năm 1964 năm 1970 sau đó đến năm 1992 hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Thành giao riêng cho hộ ông Q trừ vào ruộng 5%. Lúc đó cụ Nên thoát ly nên không có ruộng. Thực tế các ông bà đã đi thoát ly và lấy chồng lâu rồi chỉ còn ông Q sau khi đi bộ đội về thì ở đó chăm sóc bố mẹ và sinh sống ở đó nên việc sử dụng đất và đối trừ thế nào các ông, bà không biết. Ông Q là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng diện tích 1.245m² trên đó có các xây dựng các công trình kiến trúc như nhà mái bằng, công trình phụ và khu chăn nuôi. Ông Q là người có công chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ, khi bố mẹ chết đi ông Q là người lo đối nội, đối ngoại cho gia đình. Vì vậy, ông N, bà N1, bà H, bà Y1 đề nghị Toà án tách riêng phần đất ao, đất vườn, đất ở hiện nay ông Q đang sử dụng để làm sổ riêng cho gia đình ông Q. Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông L, bà A và những đồng thừa kế khác của ông Lê Văn Nha. Phần đất còn lại ông N, bà Y1, bà N1, bà H cùng có quan điểm không yêu cầu chia mà đề nghị gộp chung lại để xây dựng nhà thờ dòng họ Lê để con cháu đời đời có chỗ thờ cúng tổ tiên.

* Theo lời khai và tại phiên toà, Anh Lê Văn T, chị Lê Thị Thu H1 trình bày: Năm 1998, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định cấp cho hộ cụ Lê Văn Nên được quyền sử dụng 1245m² bao gồm 360m² đất ao, 555m² đất vườn, 330m² đất ao tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các anh chị đều còn nhỏ nên không biết. Nhưng theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1998 mang tên hộ cụ Lê Văn Nên thì các con nhà ông Q đều là thành viên

trong hộ gia đình. Vì vậy anh T, chị H đề nghị Toà án xem xét quyền lợi của anh, chị trong diện tích đất trên trước khi chia di sản thừa kế của cụ Nền và cụ Thần.

* Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà kết hôn với ông Lê Văn Nha và sinh được 05 người con là chị Lê Thị N1, chị Lê Thị Bích N2, anh Lê Tiến S, anh Lê Như Khoa, Anh Lê Quý Đ. Ông Lê Văn Nha chết ngày 02-01-2016. Con trai bà là anh Lê Như Khoa chết ngày 26-4-2012. Ông Nha, anh Khoa chết không để lại di chúc.

Cụ Nền và cụ Thần là bố mẹ chồng của bà, cụ Nền và cụ Thần chết đi không để lại di chúc. Về nguồn gốc đất của hộ cụ Lê Văn Nền là đất do bố mẹ chồng cụ Nền để lại đất ở và đất vườn tạp. Đất ao có một phần đất của cụ Thần và một phần đất của ông Nha và một phần đất của ông L. Vì đất ao là ruộng phần trăm của hợp tác xã chia cho những lao động chính của gia đình. Lao động chính tại thời điểm đó gồm có là cụ Thần, ông Lê Văn Nha và ông Lê Văn L được chia phần ruộng phần trăm đổi ruộng xa về giáp nhà. Sau đó 3 bố con là cụ Nền, ông Nha và ông L đào ao vượt thổ. Cụ Nền lúc đó đi công nhân nhà máy Dệt nên không được cấp ruộng. Còn những người em khác còn bé chưa đủ tuổi lao động nên không được cấp ruộng. Nay ông L khởi kiện chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại bà A đề nghị Toà án nhân dân huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định chia thừa kế theo quy định của pháp luật, phần ông Nha được hưởng bà đề nghị được nhận bằng hiện vật quy gọn vào một chỗ để thuận tiện sử dụng không phân biệt đất ở, đất vườn, đất ao.

* Theo lời khai của anh Lê Tiến S, Anh Lê Quý Đ trình bày: Anh Lê Tiến S, Anh Lê Quý Đ là con ông Lê Văn Nha và bà Nguyễn Thị A là cháu nội của cụ Lê Văn Nền và cụ Nguyễn Thị Thần. Ông Lê Văn Nha chết đi không để lại di chúc. Vì vậy đối với phần di sản ông Lê Văn Nha được hưởng từ cụ Nền và cụ Thần hai anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Theo lời khai của anh Lê Trần Hải Đ, chị Lê Trần Hải A trình bày. Ngày 26-4-2012 ông Lê Như Khoa chết không để lại di chúc. Hai anh chị có quan điểm đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần di sản các anh chị được hưởng đều thống nhất là xin nhận bằng một khoản tiền.

* Tại biên bản làm việc ngày 12 tháng 02 năm 2023 với UBND xã Mỹ T cung cấp: Thực hiện Quyết định 115 ngày 15-2-1992 của UBND tỉnh Hà N Ninh thì hộ ông Lê Đình Q đã bị khấu trừ 01 sào đất ruộng hai lúa ngoài đồng vào 02 sào đất vườn trong thổ. Trong diện tích 1245m² bao gồm 360m² đất ở, 555m² đất vườn, 330m² đất ao tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định thì diện tích đất ao là đất phần trăm của 4 khẩu gồm ông Q, bà D, chị Thu, cụ Thần mỗi khẩu được chia là 102m², diện tích đất phần trăm này được chia từ năm 1987 vẫn được giữ nguyên. Đối với diện tích đất 119,9m² tăng thêm thuộc diện tích đất công do UBND xã Mỹ T quản lý, đề nghị Toà án khi giải quyết vụ án xác định vị trí đất tăng thêm về phía tây thửa đất tiếp giáp với thửa 161.

* Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS – ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ L đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 618, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 167, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế của ông Lê Văn L.

Giao cho ông Lê Đình Q được quyền sử dụng diện tích đất 536m² trong đó có 98m² đất ở và 438m² đất vườn. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 21 ranh giới là bức tường bao. Phía Nam giáp ao là đất ông L được nhận thừa kế. Phía Đông giáp phần đất được để lại cho ông N, bà N1, bà Y1 và bà H, ranh giới giữa hai phần đất cách tường nhà ông Q hiện nay 50cm. Phía Tây giáp thửa đất 161, ranh giới là bức tường. Có sơ đồ kèm theo. Tổng giá trị đất ông Q được nhận thừa kế là 277.850.000 đồng.

Giao cho ông Lê Văn L được quyền sử dụng diện tích ao 330m² và sở hữu kê ao mà gia đình ông Q đã làm nên. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất của ông Q được nhận thừa kế. Phía Nam giáp ngõ vào của thửa đất số 23. Phía Đông giáp thửa đất số 23. Phía Tây giáp đường đi chung. Có sơ đồ kèm theo. Tổng trị giá là 51.525.000 đồng.

Mở một ngõ đi chung cho các đồng thừa kế của cụ Nền và cụ Thần có chiều rộng 2,5m bắt đầu từ ngõ đi chung của xóm men theo ranh giới với thửa đất số 23 đến giáp phần đất ông Q được nhận thừa kế. Ngõ đi có diện tích 89,2m². Có sơ đồ kèm theo.

Giao cho bà Nguyễn Thị A (vợ ông Nha) được quyền sử dụng 106m² đất trong đó có 50m² đất ở và 56m² đất vườn. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 21 ranh giới là bức tường bao. Phía Nam giáp ngõ. Phía Đông giáp ngõ. Phía Tây giáp phần đất được để lại cho ông N, bà N1, bà Y1 và bà H. Có sơ đồ kèm theo. Tổng giá trị đất các đồng thừa kế của ông Nha được nhận thừa kế là 129.200.000 đồng. Buộc bà A phải thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác của ông Nha gồm chị Lê Thị N1, chị Lê Thị Ngọc, anh Lê Tiến S, Anh Lê Quý Đ mỗi người 21.533.000 đồng, chị Lê Trần Hải A và anh Lê Trần Hải Đ mỗi người 10.767.000 đồng. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị N2, chị N3, anh S, anh Đ, chị Hải Anh, anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bà A còn phải trả một khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Diện tích đất còn lại 273m² đất trong đó có 212m² đất ở và 61m² đất vườn. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 21 ranh giới là bức tường bao. Phía Nam giáp ngõ đi chung. Phía Đông giáp đất bà A được nhận thừa kế. Phía Tây giáp phần đất ông Q được nhận thừa kế. Kích thước các cạnh có sơ đồ kèm theo. Tổng giá trị phần đất này là 534.575.000 đồng. Do ông N, bà N1, bà Y1, bà H

không đồng ý chia thừa kế di sản của cụ Nên, cụ Thần mà muốn gộp lại để xây nơi thờ tự vì vậy để lại phần đất này cho 04 người nhưng chưa được chia thừa kế. Nếu sau này ông N, bà N1, bà Y1, bà H có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Đình Q có trách nhiệm thu dọn cây cối, tài sản trên đất để trả lại đất cho các thừa kế khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 22-10-2022 của ông Lê Đình Q kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung Toà án cấp sơ thẩm không xem xét 1 sào 2 thước đất ao ($408m^2$) để nhập vào thửa 22, tờ bản đồ số 19 xã Mỹ T, Toà án xác định di sản toàn bộ $1.245m^2$ là không có cơ sở mà phải xác định tài sản chung của cả hộ gia đình gồm 7 khẩu, Toà án xác định sai di sản thừa kế đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông và 3 người con của ông, ông L được nhận kỷ phần là diện tích đất ao trong đó có kê ao không phải là di sản thừa kế của bố mẹ ông mà do gia đình ông xây có giá trị 26.775.000đ nhưng không buộc ông L phải thanh toán cho ông số tiền này là bỏ sót yêu cầu của ông, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Mỹ L.

* Tại đơn kháng cáo ngày 19-10-2022 của bà Lê Thị H đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chia 1/3 diện tích đất ao còn 2/3 phần thừa kế trên đất ở và đất vườn thì chia đều cho 4 người con trai khi gia đình ông Q đã nhận đủ phần đất của ông Q. Nếu sau diện tích đất ao chia cho gia đình ông Q thì bà đề nghị Toà án chia theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Nên và cụ Thần.

* Tại đơn kháng cáo ngày 19-10-2022 của bà Lê Thị N1 đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chia 1/3 diện tích đất ao là $110m^2$ phần chênh lệch bà N1 không nhận mà để chia cho 4 người con trai. Nếu phần diện tích ao sau này thuộc về nhà ông Q thì phần thừa kế của bà vẫn được hưởng trên đất ở và đất vườn.

* Tại đơn kháng cáo ngày 17-10-2022 của ông Lê Đức N đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chia lại phần đất để được hưởng như tiêu chuẩn của ông Lê Văn L, nếu ông L có ao thì ông N cũng có ao vì ông L và ông N đều là con trai của cụ Nên và cụ Thần.

* Tại đơn kháng cáo ngày 19-10-2022 của bà Lê Thị Y đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chia cho 1/3 diện tích đất ao tương đương với 1/3 tiêu chuẩn chia di sản thừa kế của bà Y1. Còn lại 2/3 phần thừa kế của bà Y1 được tính thành đất ở, đất vườn thì Toà án chia đều cho 4 người con trai của cụ Nên và cụ Thần để các ông con trai xây nhà thờ vào những năm tới.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông L, ông Q, bà H, bà N1, bà Y1, ông N, bà A đều trình bày hiện nay tiêu chuẩn ruộng hai lúa của cụ Nguyễn Thị Thần là 2 sào 5 thước đang do ông Q quản lý, sử dụng. Ông L sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết sau. Ông Lê Văn L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, ông L không đồng ý lý do kháng cáo của ông Q, bà H, bà N1, ông

N, bà Y1, ông L đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết chia kỹ phần thừa kế của ông liền kề với kỹ phần của mẹ con bà A được chia. Ông Q, bà H, bà N1, ông N, bà Y1 vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm và đơn kháng cáo, không nhất trí yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của ông L. Ông Q, bà H, bà N1, ông N, bà Y1 đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận lý do kháng cáo của các ông, bà sửa bản án sơ thẩm. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Lê Văn Nên và cụ Nguyễn Thị Thẩn 1.245m² đất tại các thửa số 22 tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định, hai cụ chết không để lại di chúc nên di sản của hai cụ được chia theo quy định của pháp luật cho 7 đồng thừa kế thứ nhất. Sau khi hai cụ chết ông Q là người trực tiếp quản lý, sử dụng, ông là người có công giữ gìn, trông coi, bảo quản khối di sản nên chia cho ông Q thêm một kỹ phần như Toà án cấp sơ thẩm là phù hợp. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định chia cả diện tích đất công 119,9m² là xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước. Vì vậy, kháng cáo của ông Q, bà H, bà N1, ông N, bà Y1 đề nghị được chia bằng hiện vật là có căn cứ chấp nhận một phần. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS năm 2015 đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Đình Q, ông Lê Đức N, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị H làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D, chị Lê Thị Hồng T đã uỷ quyền cho ông Q tham gia giải quyết vụ án, chị Lê Thị N1, chị Lê Thị Bích N2 đã uỷ quyền cho bà A tham gia giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên việc vắng mặt của bà D, chị Thu, chị N2, chị N3, bà T tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Nên và cụ Nguyễn Thị Thẩn chết để

lại diện tích đất 1.245m^2 tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp chia di sản thừa kế” như cấp sơ thẩm đã xác định là đúng.

[4] Xét về nội dung kháng cáo của ông Lê Đình Q, ông Lê Đức N, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ L về việc chia di sản thừa kế thì thấy: Thửa đất có diện tích 1.245m^2 , cụ thể: 360m^2 đất ở, 330m^2 đất ao, 555m^2 đất vườn thuộc thửa 22 tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định đã được UBND huyện Mỹ L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn Nền vào ngày 25-5-1998, diện tích đất ở và đất vườn có nguồn gốc một phần do bố mẹ cụ Nền để lại và một phần là do chú cụ Nền để lại còn diện tích đất ao trước đây là đất ruộng hai lúa. Tại biên bản làm việc ngày 12 tháng 02 năm 2023, Ủy ban nhân dân xã Mỹ T cung cấp diện tích 330m^2 đất ao tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định là đất phần trăm của 4 khẩu gồm ông Q, bà D, chị Thu, cụ Thần mỗi khẩu được chia là 102m^2 , diện tích đất phần trăm này được chia từ năm 1987 vẫn được giữ nguyên. Đối với diện tích đất ao 330m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền cho hộ cụ Nền thì chỉ có 102m^2 là đất phần trăm được chia cho cụ Thần mới thuộc di sản thừa kế của cụ Thần, diện tích đất ao còn lại là đất phần trăm của ông Q, bà D và chị Thu được chia năm 1987 không thuộc di sản đưa ra chia thừa kế.

[5] Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 12-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xác định căn cứ Quyết định 115 ngày 15-2-1992 của UBND tỉnh Hà N Ninh thì hộ ông Lê Đình Q đã bị khấu trừ 01 sào đất nông nghiệp ruộng hai lúa ngoài đồng là 360m^2 vào 02 sào đất vườn là 720m^2 trong thửa số 22, tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nền chỉ có 555m^2 đất vườn, do diện tích đất vườn không đủ còn thiếu $720\text{m}^2 - 555\text{m}^2 = 165\text{m}^2$ thì hộ ông Q còn bị trừ vào đất ao là đất phần trăm của tiêu chuẩn của ông Q, bà D và chị Thu. Đối với diện tích đất bị khấu trừ là thuộc tiêu chuẩn đất ruộng của vợ chồng ông Q và các con ông Q bị khấu trừ, tiêu chuẩn ruộng của cụ Thần không bị khấu trừ. Bởi vì, tại phiên toà phúc thẩm ông L, ông Q, bà H, bà N1, bà Y1, ông N, bà A đều trình bày hiện nay tiêu chuẩn ruộng hai lúa của cụ Nguyễn Thị Thần là 2 sào 5 thước vẫn đang do ông Q quản lý, sử dụng, các đương sự trong vụ án chưa có yêu cầu khởi kiện phân chia diện tích đất này, nếu sau này có yêu cầu khởi kiện sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác. Như vậy, diện tích thuộc di sản thừa kế của cụ Nền và cụ Thần có 360m^2 đất thổ cư và 102m^2 đất ao (là tiêu chuẩn đất phần trăm của cụ Thần), trước đây cụ Nền đi công tác thoát ly nên không có tiêu chuẩn đất phần trăm. Tổng cộng là 462m^2 là tài sản chung của cụ Nền và cụ Thần. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Do đó cần công nhận cho hộ ông Q được sử dụng 555m^2 đất vườn là hoàn toàn hợp pháp và có căn cứ. Đối với diện tích tăng thêm

119,9m² không phải là di sản thừa kế, hiện nay vợ chồng ông Q, bà D vẫn đang sử dụng là thuộc quyền quản lý của UBND xã Mỹ T. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định diện tích đất này là nằm ở vị trí phía Tây thửa đất tiếp giáp với thửa đất số 161 trước đây là đất mương thoát nước chung của các hộ gia đình trong khu dân cư nên khi chia thừa kế cần phải tách riêng diện tích đất công này ra, bởi vì diện tích đất này không phải là di sản thừa kế của hai cụ. Toà án cấp sơ thẩm chia cả diện tích đất công 119,9m² là xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải rút kinh nghiệm sâu sắc đối với Toà án cấp sơ thẩm, để khắc phục tình trạng này, trách những sai sót không đáng có trong quá trình thụ lý, giải quyết án trong thời gian tới. Khi nào UBND xã Mỹ T lấy lại diện tích đất này thì vợ chồng ông Q, bà D phải có trách nhiệm bàn giao trả lại đất này cho UBND xã Mỹ T.

[6] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị Thần chết ngày 25-6-1997, cụ Lê Văn Nên chết ngày 18-6-2002. Cả hai cụ chết không để lại di chúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nên và cụ Thần vẫn còn. Cụ Nên và cụ Thần chết không để lại di chúc nên di sản của hai cụ được chia theo quy định của pháp luật.

[7] Xác định những người được hưởng di sản thừa kế: Cụ Lê Văn Nên và cụ Nguyễn Thị Thần sinh được 07 người con, hai cụ không có con nuôi, con riêng, bố mẹ của hai cụ đều đã chết trước hai cụ, các con của hai cụ gồm: ông Lê Văn Nha (chết năm 2016); ông Lê Văn L; ông Lê Đức N; bà Lê Thị N1; bà Lê Thị Y; ông Lê Đình Q và bà Lê Thị H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nên và cụ Thần bao gồm ông Lê Văn Nha, ông Lê Văn L, ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y, ông Lê Đình Q, bà Lê Thị H. Ông Lê Văn Nha chết ngày 02-01-2016 không có di chúc nên kỷ phần ông Nha được hưởng được sẽ chia cho những người được hưởng thừa kế chuyển tiếp gồm vợ và các con của ông Nha là hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Nguyễn Thị A (là vợ ông Nha) và 5 người con là chị Lê Thị N1, anh Lê Tiến S, chị Lê Thị Bích N2, Anh Lê Quý Đ, anh Lê Như Khoa. Anh Lê Như Khoa (con ông Lê Văn Nha) chết ngày 26-4-2012 chết trước ông Lê Văn Nha, theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự thì các con của anh Khoa là người thừa kế thế vị của anh Khoa gồm chị Lê Trần Hải A và anh Lê Trần Hải Đ được hưởng kỷ phần mà anh Khoa lẽ ra được hưởng nếu còn sống.

[8] Về công sức của ông Lê Đình Q trong việc quản lý di sản: Mọi người đều thừa nhận, ông Q là người sống cùng với cụ Nên, cụ Thần tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 19 tại Thôn An C, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định từ nhỏ. Sau khi cụ Thần, cụ Nên qua đời, ông là người trực tiếp quản lý diện tích đất này. Ông Q là người trực tiếp quản lý di sản đã lâu và có công sức trong việc duy trì khối tài sản này nên chấp nhận yêu cầu của ông Q đề nghị Toà án tính toán công sức của ông

trong việc bảo quản, duy tu khôi di sản của cụ Nền và cụ Thần để lại. Căn cứ vào Điều 618 Bộ luật Dân sự tính công sức, thù lao cho ông Lê Đình Q bằng một kỷ phần mà các đồng thừa kế của cụ Nền, cụ Thần được hưởng thừa kế theo pháp luật là phù hợp. Vì vậy, di sản của hai cụ sẽ được phân chia làm 8 kỷ phần bằng nhau.

[9] Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản thì 360m^2 đất ở có giá trị $2.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 900.000.000 \text{ đồng}$, 555m^2 đất vườn có giá trị là $75.000 \text{ đồng/m}^2 = 41.625.000 \text{ đồng}$, 330m^2 đất ao có giá trị là $75.000 \text{ đồng/m}^2 = 24.750.000 \text{ đồng}$. Qua phân tích nêu trên đến nay đã có đủ cơ sở khẳng định tổng trị giá thuộc di sản thừa kế của cụ Nền và cụ Thần có 360m^2 đất thổ cư trị giá $900.000.000\text{đ}$ và 102m^2 đất ao (là tiêu chuẩn đất phân trăm của cụ Thần) trị giá $7.650.000\text{đ}$. Trước khi chia thừa kế cho các đương sự trong vụ án cần phải trích ra một diện tích nhất định ở cạnh phía Bắc tiếp giáp với thửa đất số 21 và phần ngõ đi chung của xóm để làm ngõ đi chung, diện tích đất được trích ra trong diện tích chia di sản là 48m^2 .

[10] Về chia hiện vật: Ông Lê Văn L; ông Lê Đức N; bà Lê Thị N1; bà Lê Thị Y; ông Lê Đình Q; bà Lê Thị H và mẹ con bà Nguyễn Thị A đều có yêu cầu chia đất để sử dụng. Xét thấy thửa đất là di sản của cụ Nền, cụ Thần có tổng diện tích 462m^2 , sau khi trừ đi diện tích để làm lối đi chung thì diện tích đất còn lại đem ra chia thừa kế là $462\text{m}^2 - 48\text{m}^2 = 414\text{m}^2 : 8 = 51,75 \text{ m}^2$ (làm tròn số là 52 m^2) mỗi kỷ phần được chia là 52m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 7m^2 đất vườn), trên đất không có công trình kiên cố mà chỉ có một số công trình xây tạm để chăn nuôi của vợ chồng ông Q, bà D, còn lại hầu hết là đất vườn và ao do đó đủ điều kiện chia bằng hiện vật ở vị trí phần phía đông của thửa đất cho các đồng thừa kế cùng sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự. Diện tích đất ở và diện tích đất ao không ở liền kề nhau, giá trị hai loại đất vườn và đất ao định giá là như nhau nên có thể hoán đổi chia ở vị trí đất ở và đất vườn cho các kỷ phần để thuận lợi cho cách chia và quá trình sử dụng đất sau này cho phù hợp nên cần chia cho ông Q hai kỷ phần tiếp giáp với nhà và các công trình mà vợ chồng ông Q đã xây dựng trên thửa đất là phù hợp. Thứ tự chia như sau tính từ Đông sang Tây, chia cho mẹ con bà A, ông L, ông N, bà N1, bà Y1, bà H, ông Q. Bà A là vợ ông Nha đề nghị được nhận phần đất này để sử dụng vì vậy giao cho bà A được quyền sử dụng và buộc bà A phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác của ông Nha gồm chị Lê Thị N1, chị Lê Thị Ngọc, anh Lê Tiến S, Anh Lê Quý Đ mỗi đồng thừa kế được nhận $18.837.500 \text{ đồng}$, chị Lê Trần Hải A và anh Lê Trần Hải Đ mỗi người $9.419.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số). Tòa án cấp sơ thẩm đã chia bằng hiện vật cho các bên đương sự cùng sử dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nhưng diện tích và vị trí chia di sản là không phù hợp, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q, kháng cáo của ông Q, ông N; bà N1; bà Y1; bà H về các vấn đề nêu trên là có căn cứ chấp nhận một phần.

[11] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là chưa hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp

sơ thẩm chia cả diện tích đất công 119,9m² không đúng các quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm không đối trừ diện tích đất phần trăm tiêu chuẩn của ông Q, bà D, chị Thu, không đối trừ diện tích đất vườn đã được cân đối theo quyết định 115 năm 1992 của UBND tỉnh trước khi chia di sản thừa kế là có sai sót. Cách phân chia di sản thừa kế của Toà án cấp sơ thẩm đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Q. Do đó, có căn cứ sửa lại bản án sơ thẩm về chia di sản thừa kế cho phù hợp với các quy định của pháp luật. Lý do kháng cáo của ông Q, ông N; bà N1; bà Y1; bà H là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Q, ông N; bà N1; bà Y1; bà H được chấp nhận một phần.

[12] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.677.000 đồng ông Lê Văn L đã nộp tạm ứng lệ phí và thanh toán xong, tại phiên tòa sơ thẩm ông L tự nguyện nhận nộp toàn bộ chi phí tố tụng nên không buộc các đồng thừa kế khác phải thanh toán lại cho ông L. Về chi phí xem xét thẩm định lại là 5.000.000 đồng ông Lê Đình Q đã nộp tạm ứng lệ phí và thanh toán xong, tại phiên tòa phúc thẩm ông Q tự nguyện nhận nộp toàn bộ chi phí tố tụng nên không buộc các đồng thừa kế khác phải thanh toán lại cho ông Q.

[13] Về án phí: Các đương sự được hưởng di sản thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên ông Lê Văn L; ông Lê Đình Q; bà Nguyễn Thị A, ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế được chia theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lê Đình Q, ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị H được chấp nhận một phần nên ông Q, ông N, bà N1, bà Y1, bà H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm sẽ được hoàn trả lại.

[15] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Đình Q, ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 611; Điều

612; Điều 613; Điều 618; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167; Điều 170; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế của ông Lê Văn L.

2. Xác định diện tích 48m^2 tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định dùng làm ngõ đi chung cho các đồng thừa kế của cụ Nền và cụ Thần được giới hạn bằng các điểm 5, 6, 31, 30, 26, 25, 22, 21, 2, 3, 4, 5 bắt đầu từ ngõ đi chung của xóm men theo ranh giới với thửa đất số 21 ranh giới là bức tường bao đến giáp phần đất ông Q được chia thừa kế.

3. Chia cho bà Nguyễn Thị A được quyền sử dụng diện tích đất 52m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 7m^2 đất vườn) tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài $3,16\text{m} + 5,10\text{m}$. Phía Nam giáp thửa đất số 23 dài $1,12\text{m}$. Phía Đông giáp thửa đất số 23 dài $7,73\text{m} + 11,15\text{m} + 0,40\text{m} + 1,47\text{m}$. Phía Tây giáp phần đất chia cho ông L dài $16,05\text{m}$. Tổng giá trị đất bà A được nhận thừa kế là 113.025.000 đồng. Buộc bà A phải thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác của ông Nha gồm chị Lê Thị N1, chị Lê Thị Ngọc, anh Lê Tiến S, Anh Lê Quý Đ mỗi người 18.837.500 đồng, chị Lê Trần Hải A và anh Lê Trần Hải Đ mỗi người 9.419.000 đồng.

4. Chia cho ông Lê Văn L được quyền sử dụng diện tích đất 52m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 7m^2 đất vườn) tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài $3,14\text{m}$. Phía Nam giáp thửa đất số 23 dài $3,24\text{m}$. Phía Đông giáp phần đất chia cho bà A dài $16,05\text{m}$. Phía Tây giáp phần đất chia cho ông N dài $17,45\text{m}$. Tổng giá trị đất ông L được nhận thừa kế là 113.025.000 đồng.

5. Chia cho ông Lê Đức N được quyền sử dụng diện tích đất 52m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 7m^2 đất vườn) tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài $2,90\text{m}$. Phía Nam giáp thửa đất số 23 dài 3m . Phía Đông giáp phần đất chia cho ông L dài $17,45\text{m}$. Phía Tây giáp phần đất chia cho bà N1 dài $18,70\text{m}$. Tổng giá trị đất ông N được nhận thừa kế là 113.025.000 đồng.

6. Chia cho bà Lê Thị N1 được quyền sử dụng diện tích đất 52m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 7m^2 đất vườn) tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài $2,09\text{m} + 0,71\text{m}$. Phía Nam giáp thửa đất số 23 dài $2,69\text{m}$. Phía Đông giáp phần đất chia cho ông N dài $18,70\text{m}$. Phía Tây giáp phần đất chia cho bà Y1 dài $23,38\text{m}$. Tổng giá trị đất bà N1 được nhận thừa kế là 113.025.000 đồng.

7. Chia cho bà Lê Thị Y được quyền sử dụng diện tích đất 52m² (trong đó có 45m² đất ở và 7m² đất vườn) tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định. Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 2,18m. Phía Nam giáp thửa đất số 23 dài 2,28m. Phía Đông giáp phần đất chia cho bà N1 dài 23,38m. Phía Tây giáp phần đất chia cho bà H dài 24,07m. Tổng giá trị đất bà Y1 được nhận thừa kế là 113.025.000 đồng.

8. Chia cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 52m² (trong đó có 45m² đất ở và 7m² đất vườn). Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 2m. Phía Nam giáp thửa đất số 23 + đất ao dài 0,84m + 1,30m. Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Y1 dài 24,07m. Phía Tây giáp phần đất chia cho ông Q dài 27m. Tổng giá trị đất bà H được nhận thừa kế là 113.025.000 đồng.

9. Chia cho ông Lê Đình Q được quyền sử dụng hai kỷ phần có diện tích đất còn lại 104m² (trong đó có 90m² đất ở và 14m² đất vườn). Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 21. Phía Nam giáp đất ao. Phía Đông giáp phần đất chia cho bà H dài 27m. Phía Tây giáp phần đất vợ chồng ông Q và các con được sử dụng. Tổng giá trị đất ông Q được nhận thừa kế là 226.050.000 đồng. Vợ chồng ông Q, bà Nguyễn Thị D, chị Lê Thị Hồng T, Anh Lê Văn T, chị Lê Thị Thu H1 được quyền sử dụng diện tích đất còn lại 781m² (trong đó 330m² đất ao, 451m² đất vườn) tại thửa số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định.

(Kèm theo bản án này là sơ đồ phân chia đất tại tờ bản đồ số 19, thửa số 22, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định).

10. Nghĩa vụ bàn giao: Buộc ông Lê Đình Q, bà Nguyễn Thị D là người đang quản lý thửa đất số 22, tờ bản đồ số 19, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định có trách nhiệm bàn giao đất, thu dọn cây trồng và tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất không được quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị A, ông Lê Văn L, ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y và bà Lê Thị H.

11. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia theo Quyết định của bản án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

12. Ủy ban nhân dân xã Mỹ T có quyền quản lý, sử dụng phần đất lưu không diện tích là 119,9m² ở vị trí: Phía Đông tiếp giáp với phần đất ông Lê Đình Q, bà Nguyễn Thị D, chị Lê Thị Hồng T, Anh Lê Văn T, chị Lê Thị Thu H1 được quyền sử dụng diện tích còn lại 781m², phía Tây tiếp giáp với thửa đất số 11 cấp cho hộ ông Trung.

13. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn L nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc đất và định giá tài sản. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Đình Q nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định lại. Xác nhận ông L, ông Q đã nộp xong chi phí tố tụng.

14. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Lê Văn L; ông Lê Đình Q; bà Nguyễn Thị A, ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y.

Buộc bà Lê Thị H phải nộp số tiền 5.651.000đ, chị Lê Thị N1, chị Lê Thị Ngọc, anh Lê Tiến S, Anh Lê Quý Đ mỗi người phải nộp 942.000 đồng. Buộc chị Lê Trần Hải A và anh Lê Trần Hải Đ mỗi người phải nộp 471.000 đồng.

15. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Đình Q, ông Lê Đức N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị H. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0004052 ngày 19-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người phải thi hành án dân sự bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Mỹ L;
- TAND huyện Mỹ L;
- Chi cục THADS huyện Mỹ L;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Văn Tùng

